

Số: 84 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung kinh phí năm 2015 để thực hiện Dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 16447/BTC-HCSN ngày 06 tháng 11 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

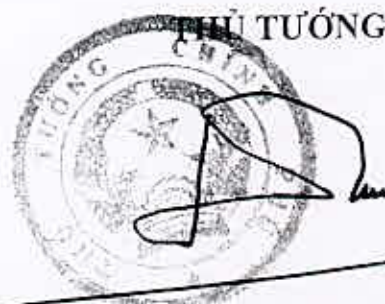
Điều 1. Bổ sung 141.141 triệu đồng (một trăm bốn mươi một tỷ, một trăm bốn mươi một triệu đồng) cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (92.820 triệu đồng) và 13 tỉnh (48.321 triệu đồng, theo phụ lục đính kèm) từ nguồn dự toán chi sự nghiệp kinh tế của ngân sách trung ương năm 2015 để thực hiện Dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016” như đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 16447/BTC-HCSN ngày 06 tháng 11 năm 2015. Việc quản lý và sử dụng số kinh phí bổ sung thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh (theo phụ lục đính kèm) và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTg, các Phó Thủ tướng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, KTN, KGVX, TKBT;
- Lưu: VT, KTTH (3). 41



Nguyễn Tấn Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 107/SY-UBND

Bình Định, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, NN&PTNT;
- Lãnh đạo VP, K13;
- Lưu: VT (15b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



[Handwritten signature]
Nguyễn Đức Thi



Phụ lục

KINH PHÍ HỖ TRỢ CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN KIỂM KÊ RỪNG
NĂM 2015-2016

(Kèm theo Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2016
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương được hỗ trợ	NSTW hỗ trợ
	Tổng cộng	48.321
1	Quảng Bình	6.933
2	Quảng Trị	5.302
3	Thừa Thiên Huế	4.427
4	Quảng Nam	10.828
5	Quảng Ngãi	6.691
6	Bình Định	4.517
7	Phú Yên	3.743
8	Ninh Thuận	1.682
9	Bình Phước	1.164
10	Tây Ninh	961
11	Đồng Tháp	1.065
12	Hậu Giang	377
13	An Giang	631